

Bản án số: 24/2025/HS-ST

Ngày 22 - 4 - 2025

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Thủy;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Tiến Dũng và ông Nguyễn Bạch Dương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Hoà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Ông Nhữ Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2025, đối với bị cáo:

**Chu Thị D**, sinh năm 1968 tại Hà Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn T và bà Nguyễn Thị C; có chồng Vũ Văn T1 và 04 con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 16/10/1991 bị Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam Ninh (Nay là tỉnh Hà Nam) xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Cố ý gây thương tích”, đã được xoá án tích. Bị cáo bị tạm giữ ngày 16 tháng 12 năm 2024 đến ngày 19 tháng 12 năm 2024 được huỷ bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện đang tại ngoại và áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1977; nơi ĐKKHKT: Thôn E, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong năm 2019, chị Phạm Thị L đã nhiều lần vay tiền của Chu Thị D với tổng số tiền 120.000.000 đồng; từ khi vay đến năm 2024, D nhiều lần yêu cầu

chị L trả tiền nhưng chị L chưa có khả năng thanh toán. Đến ngày 04/7/2024, chị L đến nhà D tại tổ dân phố N, thị trấn V, huyện L để xin khất nợ và cả hai thống nhất hàng tháng chị L phải trả tiền lãi cho D với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày trên số tiền vay gốc 120.000.000 đồng (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm). Số tiền lãi hàng tháng chị L phải trả cho D là 18.000.000 đồng được chia thành 03 đợt, mỗi đợt 6.000.000 đồng cách nhau 10 ngày. Sau đó, chị L trả cho D 6.000.000 đồng tiền lãi trong 10 ngày tính từ 04/7/2024 đến 13/7/2024; đồng thời, D cung cấp tài khoản Ngân hàng T2 số 19033460720016 của chị Vũ Tuệ N (con gái D) để chị L thanh toán tiền lãi khi đến hạn.

Từ ngày 14/7/2024 đến ngày 04/11/2024, chị L sử dụng tài khoản Ngân hàng A số 2905205241754 của mình chuyển trả tiền lãi cho D qua tài khoản Ngân hàng T2 số 19033460720016 của chị Vũ Tuệ N, cụ thể: Trong các ngày 14/7/2024 và 16/7/2024, chị L chuyển khoản tổng số 6.000.000 đồng tiền lãi, tính từ ngày 14/7/2024 đến ngày 23/7/2024. Ngày 28/7/2024, chị L chuyển khoản 6.000.000 đồng tiền lãi, tính từ ngày 24/7/2024 đến ngày 02/8/2024. Trong các ngày 07/8/2024 và 14/8/2024, chị L chuyển khoản tổng số 6.000.000 đồng tiền lãi, tính từ ngày 03/8/2024 đến ngày 12/8/2024. Ngày 26/8/2024, chị L chuyển khoản 6.000.000 đồng tiền lãi, tính từ ngày 13/8/2024 đến ngày 22/8/2024. Ngày 13/9/2024, chị L chuyển khoản 6.000.000 đồng tiền lãi, tính từ ngày 23/8/2024 đến ngày 01/9/2024. Trong các ngày 27/9/2024 và 04/11/2024, chị L chuyển khoản tổng số 6.000.000 đồng tiền lãi, tính từ ngày 02/9/2024 đến ngày 11/9/2024. Tổng cộng Chu Thị D nhận được 42.000.000 đồng tiền trả lãi vay của chị Phạm Thị L cho khoản vay gốc 120.000.000 đồng trong 70 ngày (tính từ ngày 04/7/2024 đến ngày 11/9/2024). Sau ngày 04/11/2024, D không thấy chị L chuyển khoản trả tiền lãi như thoả thuận nên nhiều lần liên hệ đòi tiền lãi của chị L nhưng không được. Ngày 07/12/2024, D đến nhà chị L yêu cầu thanh toán số tiền vay gốc và thông báo không lấy tiền lãi của chị L tính từ ngày 12/9/2024.

Vật chứng thu giữ gồm: Chu Thị D tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 màu xanh, bên trong lắp 01 sim V. Chị Phạm Thị L tự nguyện giao nộp 01 đĩa DVD bên trong có chứa các file dữ liệu ghi âm cuộc gọi, các tệp hình ảnh chụp màn hình thông báo biến động số dư tài khoản Ngân hàng và lịch sử cuộc gọi.

Khai thác dữ liệu điện tử trên điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 màu xanh của Chu Thị D, kết quả xác định trong điện thoại có 02 video và một số tin nhắn liên quan đến việc vay mượn, trả tiền lãi giữa chị L và D.

Tại Bản Kết luận giám định số 283/KL-KTHS ngày 09/01/2025 của Phòng K Công an tỉnh N đã kết luận: “*Khôi phục, trích xuất được dữ liệu trong mẫu gửi giám định (Ký hiệu: A) gồm: 97 tin nhắn văn bản SMS*”.

Kết quả khai thác nội dung các tin nhắn đã phục hồi, cùng các file dữ liệu do chị Phạm Thị L giao nộp xác định: Trong các tin nhắn phục hồi có nội dung

Chu Thị D đòi nợ chị L; trong các dữ liệu do chị L giao nộp có file ghi âm cuộc gọi trao đổi giữa chị L với D về việc chị L thoả thuận đóng lãi cho D với lãi suất 18.000.000 đồng/tháng, thanh toán 3 lần/tháng mỗi lần 6.000.000 đồng/10 ngày.

Kết quả rà soát sao kê do các Ngân hàng T2, A cung cấp xác định các giao dịch chuyển tiền giữa tài khoản của chị L và chị Vũ Tuệ N (con gái D) phù hợp với lời khai và dữ liệu điện tử trên điện thoại Iphone 12 màu xanh của Chu Thị D.

Tại Cơ quan điều tra, chị Phạm Thị L khai ngay từ năm 2019 khi Chu Thị D cho vay tiền cả hai thống nhất mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày nhưng trên thực tế chị L chỉ trả lãi đến khoảng năm 2022, 2023. Các lần trả lãi chị L đều đưa tiền mặt không có giấy biên nhận. Đến cuối năm 2023, hai bên chốt số tiền gốc vay là 120.000.000 đồng và tiền lãi còn nợ lại là 410.000.000 đồng, chị L đã viết giấy nhận nợ tổng cộng 530.000.000 đồng và giao cho D. Cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai đầu tranh nhưng D không thừa nhận việc thoả thuận tính lãi và việc nhận lãi từ năm 2019 như chị L trình bày mà khai do chị L không trả được nợ nên ngày 04/7/2024 đã đến nhà gặp D và tự chị L viết giấy nhận nợ; trong đó có ghi số tiền lãi là 410.000.000 đồng, đến nay D đã làm thất lạc tờ giấy nhận nợ do chị L viết. Ngày 07/12/2024, D đến nhà chị L đòi nợ và thông báo không lấy tiền lãi của chị L.

Đối với việc chị Vũ Tuệ N cho D mượn số tài khoản để nhận tiền lãi của chị L, quá trình điều tra cả hai đều khai do D làm nghề kinh doanh nên chị N cho D mượn tài khoản để nhận chuyển khoản thanh toán của khách hàng. Chị N không biết việc D cho chị L vay tiền và không được hưởng lợi trong số tiền lãi chị L trả cho D.

Tại Cáo trạng số 21/CT-VKSHN-P1 ngày 05/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đã truy tố Chu Thị D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Chu Thị D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 35; Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo Chu Thị D từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Buộc bị cáo Chu Thị D phải hoàn trả cho chị Phạm Thị L số tiền 37.397.260 đồng; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 12 thu giữ của bị cáo; truy thu của bị cáo Chu Thị D số tiền 4.602.740 đồng và truy thu của chị Phạm Thị L số tiền 120.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước. Bị cáo Chu Thị D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Chu Thị D tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt chính đối với bị cáo là quá nặng; do không hiểu biết pháp luật nên bị truy tố, bị cáo đề nghị Viện kiểm sát giảm mức hình phạt cho bị cáo.

Quan điểm tranh luận của đại diện Viện kiểm sát: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng không thấy đó là bài học mà lại tiếp tục phạm tội nên mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự về việc xét xử vụ án hình sự đối với tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Vì vậy, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đề nghị.

Lời nói sau cùng của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án, tại phiên tòa bị cáo Chu Thị D thừa nhận các tình tiết nêu trong Cáo trạng đúng với diễn biến của vụ án; đồng thời, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Với mục đích thu lợi bất chính, từ ngày 04/7/2024 đến ngày 11/9/2024 tại huyện L, tỉnh Hà Nam, Chu Thị D đã cho chị Phạm Thị L vay số tiền 120.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/1triệu/1ngày; tương đương với lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi D đã nhận của chị L là 42.000.000 đồng; đối trừ số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 4.602.740 đồng (20% của 120.000.000 đồng : 365 ngày x 70 ngày), D đã thu lợi bất chính số tiền 37.397.260 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo Chu Thị D là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về hoạt động tín dụng, cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích tài chính của công dân được pháp luật bảo vệ. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam truy tố bị cáo Chu Thị D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Về nhân thân, bị cáo có nhân thân xấu đã từng bị xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Cố ý gây thương tích”.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo Chu Thị D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt chính, bị cáo Chu Thị D phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp với Điều 35 của Bộ luật Hình sự và phù hợp với nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do bị cáo Chu Thị D có nhân thân xấu đã từng bị xử phạt tù nhưng không chịu khó làm ăn tu dưỡng để tạo ra thu nhập hợp pháp chăm sóc bản thân, gia đình mà lợi dụng việc khó khăn về tài chính của chị Phạm Thị L để cho vay với lãi suất cao, thu lợi bất chính số tiền 37.379.260 nên cần áp dụng mức phạt tiền như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tại phiên tòa mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo; đồng thời, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Chu Thị D bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Buộc Chu Thị D phải trả lại cho chị Phạm Thị L số tiền 37.397.260 đồng (làm tròn 37.397.000 đồng) là khoản tiền mà D đã thu lợi bất chính của chị L.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại Iphone 12, màu xanh thu giữ của bị cáo Chu Thị D là công cụ để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước theo quy định. Về số tiền gốc 120.000.000 đồng mà bị cáo Chu Thị D cho chị Phạm Thị L vay là công cụ phạm tội, chị L vẫn chưa trả lại cho bị cáo D nên cần truy thu của chị Phạm Thị L số tiền 120.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền lãi 4.620.740 đồng (được làm tròn là 4.620.000 đồng) mà bị cáo Chu Thị D nhận của chị Phạm Thị L theo mức lãi suất cao nhất, quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự cần truy thu để nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

[8] Về các vấn đề khác

[8.1] Đối với nội dung chị Phạm Thị L khai việc bị cáo Chu Thị D tính lãi 410.000.000 đồng với khoản tiền 120.000.000 đồng vào cuối năm 2023, Cơ

quan điều tra đã tiến hành điều tra nhưng ngoài lời khai của chị L ra không thu thập được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh. Mặt khác, D chưa nhận được số tiền 410.000.000 đồng và đến ngày 07/12/2024, D đến nhà chị L đòi nợ đã không yêu cầu chị L phải trả thêm khoản lãi nào khác. Do đó, không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với Chu Thị D về khoản tiền lãi 410.000.000 đồng.

[8.2] Về số tiền lãi tính từ ngày 12/9/2024 đến ngày 15/12/2024, chị L chưa trả được Chu Thị D, ngày 07/12/2024 D đến nhà chị L yêu cầu thanh toán tiền gốc và thông báo không thu tiền lãi của chị L nữa. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Chu Thị D về khoản tiền lãi này là phù hợp quy định của pháp luật.

[8.3] Đối với chị Vũ Tuệ N cho D mượn tài khoản ngân hàng và không biết D sử dụng để nhận tiền lãi của chị L nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với chị Vũ Tuệ N.

[9] Đối với án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Chu Thị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 47; Điều 48 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Các Điều 106, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự về việc xét xử vụ án hình sự đối với tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Chu Thị D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Xử phạt bị cáo Chu Thị D số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Chu Thị D phải hoàn trả chị Phạm Thị L số tiền 37.397.000 đồng (Ba mươi bảy triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

4. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước chiếc điện thoại Iphone 12, màu xanh, loại cũ đã qua sử dụng.

Truy thu của bị cáo Chu Thị D số tiền 4.620.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) và truy thu của chị Phạm Thị L số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam ngày 10 tháng 3 năm 2025).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Chu Thị D phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.869.000 đồng (Một triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Phòng TTKT & THA Tòa án tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Bộ phận HCTP;
- Tòa Hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Đức Thủy**